

Số: 14 /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong phạm vi nêu trên.

Điều 3. Nội dung, mức chi cụ thể

a) Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo);

b) Quy định nội dung, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm cho ngành giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

b) Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nội dung, mức chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đổi mới giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Thái Nguyên;

c) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

Phụ lục I

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC
VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI
GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN QUẢN LÝ**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **14** /2025/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
A	TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN THAM DỰ KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA		
1	Ban chỉ đạo thi (Áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông)		
	Trưởng ban	Người/Ngày	550
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	475
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	375
2	Hội đồng thi (Áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông)		
	Chủ tịch	Người/Ngày	475
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	450
	Ủy viên	Người/Ngày	375
3	Ban thư ký		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Ủy viên	Người/Ngày	350
4	Ban in sao đề thi		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Thư ký, ủy viên	Người/Ngày	350
	Công an bảo vệ làm việc 24h/24h	Người/Ngày	220
	Công an vòng ngoài, phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/Ngày	200

5	Ban vận chuyển và bàn giao đề thi		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Ủy viên	Người/Ngày	350
6	Ban coi thi/ Hội đồng coi thi		
	Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng	Người/Ngày	450
	Phó ban/ Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/Ngày	400
	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, giám sát, kỹ thuật viên	Người/Ngày	350
	Công an, y tế, bảo vệ, phục vụ	Người/Ngày	200
7	Điểm thi		
	Trưởng điểm	Người/Ngày	420
	Phó Trưởng điểm	Người/Ngày	380
	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/Ngày	300
	Công an, trật tự viên, kiểm soát viên quân sự, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/Ngày	200
8	Ban làm phách		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	350
	Công an, y tế, phục vụ, bảo vệ	Người/Ngày	200
9	Các Hội đồng/Ban: chấm thi; chấm phúc khảo; chấm thẩm định		
	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/Ngày	450
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Tổ trưởng các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/Đợt	300
	Tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/Đợt	250
	Cán bộ chấm bài thi tự luận, chấm thẩm định, chấm kiểm tra, chấm trắc nghiệm	Người/Ngày	400
	Cán bộ giám sát, thư ký, ủy viên	Người/Ngày	300
	Công an, y tế, bảo vệ, phục vụ	Người/Ngày	200

10	Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp		
	Chủ tịch	Người/Ngày	350
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	320
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	250
11	Công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
	Trưởng đoàn	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng đoàn	Người/Ngày	400
	Thành viên	Người/Ngày	315
	Thanh tra viên độc lập	Người/Ngày	375
12	Trực đêm cho cán bộ/Công an trông bài thi	Người/Đêm	150
13	Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban làm việc		
13.1	Trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách		
	Tiền ăn	Người/Ngày	300
	Tiền giải khát giữa giờ	Người/Ngày	75
13.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)		
	Tiền ăn	Người/Ngày	200
	Tiền giải khát giữa giờ	Người/Ngày	50
13.3	Tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi	Người/Ngày	20
B	TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN THAM DỰ KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CẤP TỈNH		
I	Áp dụng bằng 80% mức chi tại Mục A cho các thành viên có chức năng, nhiệm vụ tương ứng trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh		
II	Ban Tổ chức		
	Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	350
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	275
III	Hội đồng xét tuyển sinh		
	Chủ tịch	Người/Ngày	380
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	320
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	255

IV	Hội đồng/Ban ra đề		
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/Ngày	380
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/Ngày	320
	Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên	Người/Ngày	280
	Người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật	Người/Ngày	250
	Công an bảo vệ vòng trong 24/24h	Người/Ngày	180
	Công an vòng ngoài, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/Ngày	160
V	Tiền công ra đề thi		
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chủ trì	Người/Ngày	450
	Các thành viên	Người/Ngày	300
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận		
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh	Đề	480
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi; Giáo viên làm cán bộ Đoàn giỏi	Đề theo phân môn	700
	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	750
3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm		
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh	Người/Ngày	500
	Thi tuyển sinh lớp 10 môn chuyên	Người/Ngày	700
	Thi Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi; Giáo viên làm cán bộ Đoàn giỏi (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/Ngày	700
	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đề	4.500
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đề	4.200
4	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
4.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chủ trì	Người/Ngày	450
	Thành viên	Người/Ngày	300

4.2	Tiền công đối với câu hỏi		
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	70
	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	60
	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	50
	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	35
	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	10
	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Báo cáo/Môn	800
4.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	Chủ trì	Người/Ngày	450
	Thành viên	Người/Ngày	300
VI	Tiền công Giám khảo chấm thi: Giáo viên dạy giỏi; Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi; Giáo viên làm cán bộ Đoàn giỏi; Thi Khoa học kỹ thuật; Giai điệu tuổi hồng; Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp		
	Giám khảo chấm chung biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy bộ môn, kế hoạch bài dạy (giáo án) của Hội thi và thống nhất phương án chấm thi theo từng môn	Người/Ngày	500
	Giám khảo rút kinh nghiệm phần trình bày biện pháp góp phần nâng cao chất lượng và phần thi thực hành tiết dạy (thi giảng) đối với giáo viên dự thi theo từng môn	Người/Ngày	500
	Giám khảo chấm thi độc lập trình bày biện pháp	Biện pháp	200
	Giám khảo chấm thi độc lập phần thực hành tiết dạy (thi giảng)	Người/Tiết	200
	Giám khảo chấm thẩm định đề tài, dự án nghiên cứu khoa học	Đề tài	100
	Giám khảo chấm thi theo từng lĩnh vực/nhóm lĩnh vực:		
	- Giám khảo là Giáo sư, Phó Giáo sư; Chuyên viên cao cấp; Giảng viên cao cấp	Người/Ngày	1.400
	- Giám khảo là Tiến sĩ; Giảng viên chính; Chuyên viên chính	Người/Ngày	1.200

	- Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài đối tượng nêu trên)	Người/Ngày	1.000
	- Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp xã và tương đương trở xuống	Người/Ngày	600
VII	Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban làm việc	Áp dụng bằng 100% mức chi tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban làm việc kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi chọn học sinh giỏi Quốc gia (Mục A - Phụ lục I)	
VIII	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác cấp tỉnh (ngoài các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đã nêu trên)	Áp dụng bằng 100% mức chi tiền công đối với các thành viên tham dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh (Mục B - Phụ lục I)	
C	CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẤP XÃ, CẤP TRƯỜNG	Căn cứ tình hình ngân sách và nội dung cụ thể để chi cho việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn và nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị, mức chi áp dụng tối đa không vượt quá 80% mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh	

Phụ lục II

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CHO HỘI ĐỒNG LỰA CHỌN
SÁCH GIÁO KHOA TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN QUẢN LÝ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14 /2025/NQ-HĐND

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chủ tịch	Người/Buổi	120
2	Phó Chủ tịch	Người/Buổi	110
3	Ủy viên, thư ký	Người/Buổi	90
4	Đọc tài liệu	Tiết	12